

TRẦN QUỐC VƯỢNG (Chủ biên)
TÔ NGỌC THANH
NGUYỄN CHÍ BỀN
LÂM MỸ DUNG
TRẦN THÚY ANH

Cơ sở văn hóa VIỆT NAM



CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

TRẦN QUỐC VƯỢNG (Chủ biên)
TÔ NGỌC THANH - NGUYỄN CHÍ BÈN -
LÂM MỸ DUNG - TRẦN THÚY ANH

CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm gần đây, nhận thức về vai trò của văn hóa ở nước ta được nâng lên đúng với giá trị đích thực của nó. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với thiên nhiên. Nó vừa là một động lực thúc đẩy vừa là một mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta.

Cũng vì thế, việc giữ gìn, phát huy và chấn hưng văn hóa dân tộc được đặt ra một cách cấp bách, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành, nhiều giới.

Giữa tháng 12 năm 1994, Hội nghị lần thứ 8 của Ủy ban quốc gia về Thập kỉ Quốc tế phát triển văn hóa của Việt Nam do Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh làm chủ tịch đã họp. Hội nghị tập trung thảo luận chủ đề : Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Việt Nam, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể. Hội nghị này đã có nhiều kiến nghị với Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, trong đó có kiến nghị : "Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường học nội dung bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, giáo dục cho thanh niên và học sinh về giá trị của văn hóa dân tộc và di sản văn hóa Việt Nam, nâng cao lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ di sản văn hóa". Ngày 10 tháng 1 năm 1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí công văn số 173/VP về việc tăng cường giáo dục các giá trị văn hóa dân tộc và di sản văn hóa Việt Nam, yêu cầu các cơ quan chuẩn bị hệ thống giáo trình, đưa môn Văn hóa học và cơ sở văn hóa Việt Nam vào chương trình đại học, cao đẳng, để phục vụ việc học tập của sinh viên.

Nhận trách nhiệm trước Bộ Giáo dục và Đào tạo, chúng tôi biên soạn giáo trình môn Cơ sở văn hóa Việt Nam.

Khoa Văn hóa học nói chung và môn Cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ trong nhà trường mà còn ở ngoài xã hội. Tuy thế, với nhà trường đại học và cao đẳng, Văn hóa học lại là môn học còn rất mới mẻ. Hiện tại, còn có nhiều cách hiểu khác nhau về lịch sử và đặc điểm văn hóa Việt Nam, cũng như còn nhiều cách hiểu, cách trình bày về môn Cơ sở văn hóa Việt Nam. Chính vì vậy, chúng tôi thấy rằng, cần trình bày cho sinh viên hiểu cả hai mặt lịch đại và đồng đại của văn hóa Việt Nam lẫn những đặc điểm về cả những kiến thức cơ bản về môn Văn hóa học.

Sau lần xuất bản đầu tiên, phục vụ cho hội nghị tập huấn về bộ môn Văn hóa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các đồng nghiệp, các thầy giáo, cô giáo và bạn đọc các nơi (như PGS, TS Nguyễn Xuân Kính, TS Nguyễn Thị Minh Thái, ông Nguyễn Hòa, ông Lê Đình Bích, ông Trần Mạnh Hào trên tạp chí Văn hóa dân gian, Tập san Kiến thức ngày nay, báo Thể thao và văn hóa, báo Văn nghệ). Chúng tôi xin tỏ lòng cảm ơn. Ở lần xuất bản này, chúng tôi đã sửa chữa và bổ sung cho hoàn thiện hơn trên cơ sở các ý kiến đóng góp. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng để có cuốn giáo trình về Văn hóa học hoàn chỉnh, bản thân các tác giả còn phải nghiên cứu nhiều và cần có thêm nhiều ý kiến thảo luận, góp ý của độc giả. Vì vậy rất mong các đồng nghiệp và bạn đọc góp ý, phê bình để cuốn sách ngày một tốt hơn.

Với hi vọng môn Văn hóa học và Cơ sở văn hóa Việt Nam sẽ được khẳng định vị thế, như nó vốn cần có, chúng tôi mong rằng giáo trình sơ thảo này sẽ đóng góp tích cực vào việc giảng dạy và học tập trong các trường đại học và cao đẳng.

Hà Nội, tháng 8 - 1998

Chủ biên

TRẦN QUỐC VƯỢNG

**CUỐN SÁCH ĐƯỢC VIẾT THEO CHƯƠNG TRÌNH
MÔN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (GIẢNG DẠY
TRONG 60 TIẾT) VỚI 4 ĐƠN VỊ HỌC TRÌNH**

- Đơn vị học trình 1

Chương 1

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN (15 tiết)

<i>Bài 1</i> : Văn hóa và văn hóa học (4 tiết)	9
<i>Bài 2</i> : Văn hóa và môi trường tự nhiên (3 tiết)	25
<i>Bài 3</i> : Văn hóa và môi trường xã hội (4 tiết)	36
<i>Bài 4</i> : Tiếp xúc và giao lưu văn hóa (4 tiết)	49

- Đơn vị học trình 2

Chương 2

**CẤU TRÚC, CÁC THIẾT CHẾ VÀ CHỨC NĂNG
CỦA VĂN HÓA (15 tiết)**

<i>Bài 5</i> : Hình thái và mô hình văn hóa (4 tiết)	64
<i>Bài 6</i> : Những thành tố của văn hóa (5 tiết)	73
<i>Bài 7</i> : Chức năng và cấu trúc của văn hóa (6 tiết)	100

- Đơn vị học trình 3

Chương 3

DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM (15 tiết)

<i>Bài 8</i> : Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử (3 tiết)	114
<i>Bài 9</i> : Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên (3 tiết)	134
<i>Bài 10</i> : Văn hóa Việt Nam thời tự chủ (3 tiết)	163

<i>Bài 11</i> : Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 (3 tiết)	183
<i>Bài 12</i> : Văn hóa Việt Nam từ năm 1945 đến nay (3 tiết)	198

- Đơn vị học trình 4

Chương 4

KHÔNG GIAN VĂN HÓA VIỆT NAM (13 tiết)

<i>Bài 13</i> : Vùng văn hóa Tây Bắc (1,5 tiết)	213
<i>Bài 14</i> : Vùng văn hóa Việt Bắc (1,5 tiết)	226
<i>Bài 15</i> : Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ (3 tiết)	234
<i>Bài 16</i> : Vùng văn hóa Trung Bộ (3 tiết)	244
<i>Bài 17</i> : Vùng văn hóa Tây Nguyên (2 tiết)	252
<i>Bài 18</i> : Vùng văn hóa Nam Bộ (2 tiết)	266
<i>Chương kết luận :</i>	
<i>Bài 19</i> : Văn hóa và phát triển (2 tiết)	278

11. EDL

Chương 1 CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

BÀI 1 VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA HỌC

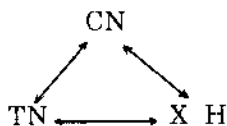
I - CON NGƯỜI - CHỦ/KHÁCH THỂ CỦA VĂN HÓA

Một trong những khía cạnh cần xem xét của vấn đề là quan hệ giữa con người và văn hóa.

Mối quan hệ này được bộc lộ ra ở ba khía cạnh quan trọng :

- Con người với tư cách là chủ thể sáng tạo của văn hóa,
- Con người cũng là sản phẩm của văn hóa,
- Con người cũng là đại biểu mang giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra.

Như vậy, con người vừa là chủ thể nhưng vừa là khách thể của văn hóa. Có nhìn nhận văn hóa như một chỉnh thể thống nhất, chúng ta mới lí giải được mối quan hệ hữu cơ giữa con người với xã hội, giữa con người với tự nhiên. Trong những mối quan hệ ấy, con người là chủ thể, là trung tâm, như mô hình sau :



Thế nhưng, từ trước đến nay cả ba thành tố trong mô hình này, không phải đã được mọi người, mọi thời nhìn nhận một cách nhất quán.

1. Những định nghĩa khác nhau về con người

Trong trường kì lịch sử, những câu hỏi "Ta từ đâu đến ? Ta đi đến đâu ?", là những câu hỏi ám ảnh loài người từ muôn đời nay. Và loài người luôn tìm cách giải đáp những câu hỏi này bằng các huyền thoại, sáng thế luận, học thuyết triết học, tôn giáo v.v...

Trong tư tưởng phương Đông, con người là vũ trụ thu nhỏ "Nhân thân tiểu thiên địa" (Lão Tử). Con người là sự thống nhất của không gian và thời gian. Con người bao gồm cả vũ - không gian (trên dưới) và trụ - thời gian (xưa qua nay lại).

Theo mô hình tam phân (bộ ba) hay thuyết Tam - Tài, con người là một trong ba ngôi ba thế lực của vũ trụ bao la tức Thiên - Địa - Nhân. Người nối liền trời với đất, dung hòa hai cực đối lập ấy để đạt được sự hài hòa hợp lí : "Thiên thời - địa lợi - nhân hòa".

Trong hệ thống quan niệm của Phật giáo, người và muôn loài là bình đẳng, khác với quan niệm phương Tây cổ truyền cho con người là trung tâm vũ trụ, chúa tể của muôn loài.

Quan niệm về con người của triết học phương Đông là : "Tam tài", "Vạn vật tương đồng", "Thiên nhân hợp nhất" và quan niệm của Phật giáo cho rằng con người bình đẳng với muôn loài, hoàn toàn tương đồng với xu thế phát triển của sinh thái học hiện đại và sinh thái học văn hóa.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhìn con người như một thành tố đã tồn tại trong nhiều mối quan hệ xã hội như định nghĩa của Các Mác : "Trong tính thực tiễn của nó, con người là sự tổng hòa các quan hệ xã hội". Một số nhà nghiên cứu cho rằng định nghĩa này đúng nhưng để hiểu Các Mác hơn cần nhớ, năm 1865, khi hai cô con gái Laura và Jenny Mác đặt câu hỏi với bố : "Châm ngôn ưa thích nhất